

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 9

**PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 9
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI
VÀ NHÓM DÂN TỘC CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN**

**1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế- xã hội
nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**

1.1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc: 100% tổng số vốn của tiểu dự án cho dân tộc Rơ Măm (Dân tộc có khó khăn đặc thù sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn xã khu vực III được xác định theo Điều 1 Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025).

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Nội dung dân tộc có khó khăn đặc thù:

- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc: 100% tổng số vốn của tiểu dự án cho dân tộc Rơ Măm.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.

b) Nội dung các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 x a
	Tổng số			X_{k,i}

Số lượng hộ dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư (a) căn cứ số liệu tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1227/QĐ-

TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025.

2. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc: Không quá 45% tổng số vốn của tiểu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	Tổng số			X_{k,i}

Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (a) của huyện, thành phố căn cứ số liệu điều tra thống kê thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

Xã khu vực I, II, III (b,c,d) của huyện, thành phố được xác định theo Quyết định 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, II của huyện, thành phố được xác định theo Quyết định 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)./.